

TỔNG HỢP CƠ SỞ NHÀ, ĐẤT THUỘC PH
(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày 04/12.

STT	Tên đơn vị tiếp nhận, quản lý, sử dụng/ địa chỉ cơ sở nhà, đất	Số lượng cơ sở nhà, đất hiện có	Diện tích (m2)	
			Đất	Xây dựng nhà
	TỔNG CỘNG	11	11.834,40	2.092,39
1	Nhà cấp 4- Trụ sở UBND xã Ba Vì (cũ)	1	4.463,10	436,80
2	Nhà cấp III - Trụ sở làm việc UBND xã Ba Tiêu (cũ)	1	269,40	538,80
3	Nhà cấp IV - Trụ sở làm việc - Thôn Krên, Xã Ba Ngạc, Huyện Ba Tơ, Tỉnh Quảng Ngãi	1	2.388,40	546,56
4	Đất công trình sự nghiệp - Điểm trường cấp TH: Điểm trường thôn Blăng: 01 phòng	1	574,00	76,23
5	Đất công trình sự nghiệp - Điểm trường cấp TH: Điểm trường thôn Amré: 02 phòng	1	1.443,00	124,00
6	Nhà cấp IV - Nhà lớp học 1 phòng Krên	1	276,00	78,00
7	Đất công trình sự nghiệp - Điểm trường cấp TH: Nhà lớp học 01 tầng - Điểm trường thôn Tà Noát	1		76,00
8	Đất công trình sự nghiệp - Thôn Mang Biều, xã Ba Tiêu, Huyện Ba Tơ, Tỉnh Quảng Ngãi	1	349,00	
9	Đất công trình sự nghiệp - Điểm trường thôn Làng Trui, xã Ba Tiêu	1	1.089,10	74,00
10	Đất công trình sự nghiệp - Điểm trường thôn Mang Biều, xã Ba Tiêu	1	431,80	71,00
11	Đất công trình sự nghiệp - Điểm trường thôn Nước Tia, xã Ba Tiêu	1	550,60	71,00
	Trường THCS Ba Vì	89.567	19.212	18.269
12	Đất hoạt động sự nghiệp	4.125		
13	Nhà đa năng		720	720

14	Nhà hiệu bộ		400	400
15	Nhà lớp học 6 phòng		456	456
16	Nhà lớp học 8 phòng			
17	Nhà lớp học 04 phòng học tập và 02 phòng hỗ trợ		376,19	376,19
18	Nhà để xe học sinh		30	30
	Trường TH&THCS Ba Tiêu	14.025,70	1.989,64	3.528,08
14	Đất (Điểm Cấp Tiểu học) thôn Làng trui	4.926,20	622,44	890,88
15	Nhà cấp lớp học III 6 phòng		268,44	536,88
16	Nhà cấp lớp học cấp IV 6 phòng		224,40	224,40
17	Nhà công vụ cấp IV GV 4 phòng		129,60	129,60
18	Đất (Điểm cấp THCS)thôn Làng trui	9.099,50	1.367,20	2.637,20
19	Nhà hiệu bộ và Phòng phục vụ học tập		982,00	1.964,00
20	Nhà lớp học cấp III 6 phòng		288,00	576,00
21	Nhà công vụ IVGV 3 phòng		97,20	97,20
	Trường MN Ba Ngạc	2.981	833	0
23	Đất điểm trường thôn Krên	1.239,5		
24	Đất điểm trường thôn A MẾ (Tà Noát hiện giờ)	602,6		
25	Đất điểm trường thôn Nước Lầy	462,1		
26	Đất điểm trường thôn Ba Lãng	677,1		
27	Nhà lớp học. Phòng ăn 2 tầng 4 phòng điểm trung tâm		310	
28	Nhà hiệu bộ		306	
29	Nhà lớp học điểm Thôn Tà Noát		75	
30	Nhà lớp học điểm Thôn Ba Lãng		71	
31	Nhà lớp học điểm Thôn Nước Lầy		71	
	Trường MN Ba Tiêu	4.830	561	561
32	Đất công trình sự nghiệp - Thôn Làng Trui, xã Ba Vì, tỉnh Quảng Ngãi	1.657,2		
33	Đất công trình sự nghiệp - Thôn K'Rây, xã Ba Vì, tỉnh Quảng Ngãi	757,6		
34	Nhà cấp III - Phòng học thôn K' Rây, xã Ba Vì, tỉnh Quảng Ngãi	757,6	71	71
35	Nhà cấp III - Phòng học Làng Lũy (Làng Trui), xã Ba Vì, tỉnh Quảng Ngãi		71	71

36	Nhà cấp III - Nhà bếp, Thôn Làng Trui, xã Ba Vì, tỉnh Quảng Ngãi	1.657,2	78	78
37	Nhà cấp III - Nhà Hiệu bộ + 01 Phòng học, Thôn Làng Trui, xã Ba Vì, tỉnh Quảng Ngãi		236	236
38	Nhà cấp III - Phòng học trung tâm, Thôn Làng Trui, xã Ba Vì, tỉnh Quảng Ngãi		105	105
	Trường TH&THCS Ba Ngạc	13.324	1.827	0
39	Điểm trường trung tâm	780		
40	Điểm trường trung tâm	5.794		
41	Điểm trường trung tâm	6.750		
42	Nhà lớp học 6 phòng, cấp II		220	
43	Nhà Đa Năng		534	
44	Nhà hiệu bộ 6 phòng		330	
45	Nhà lớp học 08 phòng		496	
46	Nhà lớp học 8 phòng, cấp IV (2 tầng)		150	
47	Nhà công vụ GV 3 phòng, cấp IV		97	
	TRƯỜNG MẦM NON BA VÌ			
41	Đất điểm trường trung tâm thôn Giá Vực năm 2016	2.306,5		
42	Đất điểm trường trung tâm thôn Giá Vực năm 2021	894,2		
43	Đất điểm trường thôn Mang đen	360		
44	Đất điểm trường thôn Nước Xuyên	186,4		
45	Nhà lớp học 02 tầng điểm Trung tâm thôn Giá Vực		1.452,8	
46	Nhà lớp học thôn Mang Đen		71	
47	Nhà lớp học 02 phòng điểm Trung tâm xây dựng từ tổ chức chilren of Việt Nam và UBND huyện xây dựng năm 2022		265,04	
48	Nhà lớp học thôn Nước Xuyên		75,2	
	Trường TH Ba Vì	5.687	1.477	2.290
49	Đất hoạt động sự nghiệp (Điểm trung tâm)	4.200		
50	Đất hoạt động sự nghiệp (Điểm Mang Đen)	1.001		
51	Đất hoạt động sự nghiệp (Điểm Nước Xuyên)	486		

52	Dãy phòng học ODA 2 tầng (10 phòng học, 2 phòng chờ GV), cấp 3 (Trung tâm)		417,69	835,38
53	Nhà công vụ 3 phòng, cấp IV (Trung tâm)		97,2	97,2
54	Dãy 8 phòng học, cấp III (Trung tâm)		364	598
55	Dãy phòng Hiệu bộ 9 phòng, cấp III		258	419
56	Dãy nhà 1 phòng học, 1 phòng chờ, DA TTK (C.IV) (Nước Xuyên)		96	96
57	Nhà 1 phòng học, DA Seqap (C.IV) (Nước Xuyên)		47,74	47,74
58	Dãy nhà 2 phòng học, 1 phòng chờ, DA TTK (Cấp IV) (Mang Đen)		149	149
59	Nhà 1 phòng học, DA Seqap (C. IV)		47,74	47,74

PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA XÃ BA VÌ
(Phụ lục 1/2025 của UBND xã Ba Vì)

	Đề xuất phương án xử lý			
Sàn xây dựng nhà	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Điều chuyển	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Ghi chú
2.529,19	2	0	9	0
873,60	x			
538,80	x			
546,56			x	
76,23			x	
124,00			x	
78,00			x	
76,00			x	
			x	
74,00			x	
71,00			x	
71,00			x	
18.269				
	x			
720	x			

400	x			
456	x			
	x			
376,19	x			
30	x			
3.528,08				
890,88	x			
536,88	x			
224,40	x			
129,60	x			
2.637,20	x			
1.964,00	x			
576,00	x			
97,20	x			
0	x			
	x			
	x			
	x			
	x			
	x			
	x			
	x			
	x			
	x			
561				
	x			
	x			
71	x			
71	x			

78	x			
236	x			
105	x			
0				
	x			
	x			
	x			
	x			
	x			
	x			
	x			
	x			
	x			
	x			
	x			
	x			
	x			
	x			
	x			
	x			
	x			
	x			
	x			
	x			
	x			
	x			
	x			
2.290				
	x			
	x			
	x			

835,38	x			
97,2	x			
598	x			
419	x			
96	x			
47,74	x			
149	x			
47,74	x			